

Số: 38 /2021/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận**  
**đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/ 2006; Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 292/TTr-SNN 23/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Ninh Bình
- Lưu: VT, VP3,11.
- Bh\_VP3\_QĐ66

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Song Tùng**

**QUY ĐỊNH****Phạm vi vùng phụ cận****đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình***(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND  
ngày /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Riêng trường hợp đoạn kênh, tuyến kênh chạy song song với đường giao thông chỉ áp dụng đối với tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

2. Đối với các công trình thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thì vùng phụ cận của công trình áp dụng theo quy định của Nghị định.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan trong phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ**

1. Trong phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, mọi hoạt động đều phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường đi lại để quản lý, có mặt bằng để bảo trì và sửa chữa công trình khi xảy ra sự cố.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, trước khi triển khai dự án chủ đầu tư phải có văn bản thỏa thuận với đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

3. Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư kiên cố hóa kênh, làm đường trên bờ kênh. Trước khi xây dựng phải có văn bản thỏa

thuận với đơn vị khai thác công trình thủy lợi về giải pháp kỹ thuật, quy mô, kết cấu xây dựng; cam kết không gây ảnh hưởng tới việc quản lý, vận hành kênh và không được đền bù khi Nhà nước đầu tư tu bổ, sửa chữa kênh.

4. Các diện tích đất trồng lúa, trồng cây ngắn ngày nằm trong vùng phụ cận của công trình thủy lợi được tiếp tục canh tác nhưng không được xây dựng hoặc thực hiện các hoạt động gây mất an toàn cho công trình thủy lợi và phải chấp nhận thu hồi đất khi Nhà nước yêu cầu.

## Chương II

### PHẠM VI VÙNG PHỤ CẬN ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

#### Điều 5. Đối với kênh

1. Chiều rộng lòng kênh phải đảm bảo đủ năng lực tưới tiêu nước cho lưu vực theo quy hoạch thủy lợi được duyệt. Hệ số mái kênh phải đảm bảo giữ ổn định cho kênh trong suốt quá trình vận hành, tạo điều kiện thuận lợi để nạo vét kênh bằng cơ giới.

2. Chiều rộng bờ kênh phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung, có đường phục vụ quản lý vận hành kênh, đáp ứng điều kiện thi công bằng cơ giới khi nạo vét, sửa chữa, nâng cấp kênh và tạo điều kiện để cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp.

a) Đối với kênh nhỏ (có lưu lượng dưới  $5\text{m}^3/\text{s}$ , hoặc có chiều rộng đáy kênh dưới 5m): Chiều rộng bờ kênh đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhưng không nhỏ hơn 1,25m.

b) Đối với các kênh còn lại: Chiều rộng bờ kênh không nhỏ hơn 3,0m.

3. Lưu lượng để xác định vùng phụ cận

a) Lưu lượng để xác định phạm vi vùng phụ cận là lưu lượng lớn nhất theo quy hoạch mà kênh phải chuyển tải.

b) Trường hợp kênh chia ra làm các đoạn với các cấp lưu lượng khác nhau hoặc kênh gồm đoạn kênh đất và đoạn đã kiên cố hoá thì phạm vi vùng phụ cận của kênh được xác định cho từng đoạn kênh tương ứng với lưu lượng và kết cấu kênh.

4. Vùng phụ cận của kênh được tính từ chân mái ngoài bờ kênh quy hoạch (*trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy hoạch thủy lợi và các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này*) trở ra một khoảng như sau:

a) Kênh có lưu lượng dưới  $2\text{m}^3/\text{s}$ : Đối với kênh đất vùng phụ cận là 2,0m. Đối với kênh đã kiên cố hoá là 1,0m.

b) Trường hợp chiều rộng bờ kênh lớn hoặc không xác định được chân mái ngoài bờ kênh thì vùng phụ cận được tính từ mép trong bờ kênh theo quy hoạch trở ra một khoảng bằng chiều rộng bờ kênh yêu cầu (*theo Khoản 2 Điều này*) cộng thêm 2,0m đối với kênh có lưu lượng dưới  $2\text{m}^3/\text{s}$ .

5. Trường hợp đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kênh đã kết hợp làm đường giao thông (*do ngành Giao thông hoặc địa phương quản lý*) thì phạm vi vùng phụ cận kênh tính từ mép bờ tự nhiên về phía kênh. Khi làm quy hoạch đường giao thông ven kênh phải đảm bảo phạm vi đất dành cho đường bộ cách mép trong bờ kênh thiết kế tối thiểu 1,5m và việc phát triển mạng lưới giao thông không làm ảnh hưởng tới năng lực, an toàn công trình thủy lợi. Khi quy hoạch làm kênh thủy lợi cạnh đường giao thông phải đảm bảo nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ của tuyến đường theo quy định.

### **Điều 6. Đối với trạm bơm**

1. Phạm vi vùng phụ cận trạm bơm được xác định từ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng, đưa công trình vào sử dụng (*hoặc đất do địa phương bàn giao cho đơn vị khai thác hoặc đất trong hàng rào, cột mốc bảo vệ*) trở ra mỗi phía 1,0m.

2. Phạm vi vùng phụ cận kênh dẫn vào bể hút và kênh xả trạm bơm áp dụng theo Điều 5 Quy định này.

### **Điều 7. Đối với cống dưới đê**

Đối với cống tưới, tiêu, xả tiêu qua đê phạm vi vùng phụ cận tuân theo quy định của luật đê điều.

### **Điều 8. Đối với cống nội đồng, công trình trên kênh**

Cống nội đồng, công trình trên kênh nào thì phạm vi vùng phụ cận áp dụng như đối với kênh đó.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của các Sở**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan thẩm định hồ sơ xin cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (*phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm các công trình thủy lợi và vùng phụ cận của công trình thủy lợi*) trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi.

b) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương quản lý chặt chẽ phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; xử lý và tham mưu xử lý trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chấp hành phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, những vi phạm và xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn UBND cấp huyện và các đơn vị, tổ chức khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng, quản lý sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Hướng dẫn thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo quy định.

## 3. Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi cạnh đường giao thông trên các tuyến đường do Sở quản lý.

## 4. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, công tác hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý theo quy định hiện hành.

## **Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và nội dung của Quy định này để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn được biết và thực hiện.

2. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực thủy lợi tại địa phương. Ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn. Tổ chức di dời, dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

3. Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình chấp hành phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi những vi phạm và xử lý vi phạm về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc cấp mình quản lý theo quy định hiện hành.

**Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước được giao khai thác công trình thủy lợi.**

1. Căn cứ các nội dung của quy định này, xác định cụ thể và thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện về phạm vi bảo vệ của từng công trình thủy lợi được giao quản lý, khai thác.

2. Kiểm tra, tổng hợp danh mục các công trình vi phạm hiện có (*từ trước khi Quyết định này có hiệu lực*) và đề xuất giải pháp xử lý phù hợp với quy định tại Điều 5, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý theo quy định.

3. Trực tiếp khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, phân loại vi phạm trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, kịp thời báo cáo và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý dứt điểm những vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Lắp đặt biển báo thể hiện rõ phạm vi bảo vệ công trình ở những khu vực dễ bị lấn chiếm; biển ngăn cấm vứt rác thải, phế thải xuống kênh mương; tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng việc bảo vệ các công trình thủy lợi ở những khu vực đông dân cư, chợ.

5. Hàng tháng tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm, kết quả xử lý vi phạm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong ngày làm việc đầu tiên của tháng.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để xem xét, quyết định./.